

## TỬ A-HÀM-MỘ SAO GIẢI

### THỨ CHÍN

(Phần ba của pháp độ thứ ba: Y)

Hỏi: Đã nói Ấm, Giới, thế nào là Xứ?

Đáp: Xứ là Cánh lạc xứ, Dị học xứ và giải thoát xứ. (Kinh nói: Cánh lạc xứ (xúc xứ) Dị học xứ và giải thoát xứ), xứ là nghĩa nương tựa. Ví như chỗ nương tựa của Trời. Đó là cái mà người xuất gia chứng đắc thấy rõ, qua tâm và sợ hãi. Thế cho nên gọi là Xứ.

Hỏi: Là xứ của cái gì?

Đáp: Là xứ của Công đức, Ác và cả hai. (Kinh nói: Xứ giải thoát là Công đức, xứ Dị học là Ác và xứ Cánh lạc gồm cả hai). Ý nhiệm trước mà hành ác; ý thanh tịnh thì phát khởi hành công đức.

Hỏi: Thế nào là ánh lạc xứ?

Đáp: Là Xúc xứ. Cảnh giới được tiếp xúc gồm cả ba loại: Cảnh giới tiếp xúc gần, cảnh giới tiếp xúc không gần và không hiện hành cảnh giới. Nghĩa này trong đây nói theo nhân duyên tương ứng, tức là hiện hành đến gần mà nắm bắt; thế cho nên gọi là hành đến gần tiếp xúc. Như vậy, hành không đến gần mà tiếp xúc cũng biết tương ứng như trên.

Hỏi: Thế nào là hành đến gần tiếp xúc?

Đáp: là những cảnh giới của Mũi, Lưỡi và Thân tiếp xúc (Tị nhập, Thiệt nhập, Thân nhập). Đây là cảnh giới hiện hành đến gần mà tiếp xúc. Ví như mùi hương đi vào mũi, thì căn trong của mũi cảm nhận mùi hương; hương là cảnh giới hiện hành của mũi. Mặc dù hoa ở xa, nhưng mùi hương của hóa vẫn vào mũi, và mũi cảm nhận được mùi hương ấy, hương cũng là sắc chất. Như gió phương Bắc thổi hương đến phương Nam, không trở lại phương Bắc; do đó hương đi vào mũi và có cảm nhận. Vị cũng như thế, lưỡi nắm bắt vị rồi mà cảm nhận vị, không thể nắm bắt vị ở trong vật chứa. Tiếp xúc gần là như thế. Lại như thân căn cũng là tám hoạt động: trơn, lóng, nặng, nhẹ, mềm, cứng, bằng phẳng, không bằng phẳng, nóng lạnh. Do đây, do thân căn hiện hành nắm bắt

mà cảm thọ. Cho nên gọi là cảnh giới hiện hành đến gần mà tiếp xúc.

Hỏi: Thế nào là cảnh giới hiện hành không đến gần mà tiếp xúc?

Đáp: Là cảnh giới thuộc về Mắt, tai, Ý tiếp xúc (Nhãn nhập, Nhĩ nhập, Ý nhập). Ba thứ này không hiện hành đến gần mà tiếp xúc.

Hỏi: Mắt cũng phần nào có đến gần nắm bắt cảnh giới mà tiếp nhận; tai cũng như vậy, con muỗi vo ve trong tai, mà nghe được tiếng; ý thì cảnh giới là vô sắc (không có sắc) sao biết đó là cảnh giới không đến gần để mà tiếp xúc?

Đáp: Bởi vì cảnh không đến gần cho nên nói thế. Đó gọi là tiếp nhận cảnh giới không đến gần để nắm bắt.

Hỏi: Giới hạn của cảnh không đến gần để nắm bắt?

Đáp: Không có giới hạn cố định. Như từ đây tới mặt trăng, là bốn mươi ngàn do tuần, mà vẫn thấy trăng hay đứng xa hơn năm dặm cũng vẫn thấy, tùy sức thấy của mắt mà thôi. Cho nên, cảnh giới hiện hành gần, hiện hành không gần mà nắm bắt, chỉ giới hạn ở sức cảm nhận của mắt thấy; cũng không phải xa, rời dời vật thể đến gần mới thấy, hoặc tách ly cảnh rời mới thấy. Đối với tai cũng vậy, tách rời căn tai mới nghe, không phải ép đến gần căn tai (màng nhĩ), mới cảm nhận được tiếng. Đó chỉ tùy theo lực của căn nghe thôi. Cảnh giới thuộc về Ý tiếp xúc không hình sắc, nên không có xa gần. Cho nên nói đó là cảnh giới hiện hành không gần mà nắm bắt.

Hỏi: Thế nào là vô hành (không có cảnh giới hiện hành)?

Đáp: Vô hành là cảnh giới của mình và người, nhận lãnh và không nhận lãnh. Kinh nói: Mình, người nhận và không nhận gọi là vô hành. Cảnh mình nhận lãnh, thì sắc là trước tiên. Cảnh người nhận lãnh cũng không ngoài sắc, thanh, hương, vị, xúc. Không nhận lãnh là tường ngăn, tiếng tù và, mùi hương hoa Ưu Bát là đầu. Những thứ ấy, không có hiện hành nên gọi là vô hành. Đây là những thứ hiện hành bên ngoài mình và người, không có nhân duyên; đây là năm cảnh giới không có nhân duyên, chỉ là pháp nhân duyên của người khác. Vì nghĩa đa số nên nói Vô hành.

Hỏi: Đã nói Vô hành, cách lạc xứ, vậy thế nào là Dị học xứ?

Đáp: Dị học xứ là chỗ nương tựa của Dị học (những học thuật kỳ dị, khác lạ). Đó là những Luận nghĩa về Một xứ, Hiếm ngụy và Vô (không có gì).

Tóm lại đó là ba chỗ dựa của Dị học. Luận nghĩa một xứ là ví như cây tràng phan Nhân đế tám người mang đến. Trong đây hoặc có người nói do Đề-bà-đạt-đề mang đến, hoặc nói Trời cho. Sự thật, không thể

một mình nhắc mang đến, phải nhiều người, không thể là một người, nhưng không được nói đó là do nhiều người mang đến, mà nói chỉ là một. Đó gọi là Luận nghĩa Một xứ. Vì cớ sao? Vì ba nghĩa hợp thành một như con người do quả báo của nhân duyên đời trước, do nghiệp sở tạo hiện tại, hoặc do người khác vui thích cho tiền của ... Trong đây từ nhân duyên dẫn đến hiện tại này chỉ nói do một, gọi là Luận nghĩa Một xứ.

Luận nghĩa Hiểm nguy là như cây tràng phan Nhân-đề, hoặc nói không phải do người mang đến mà gọi là nguyên nhân đều cùng (do một, do nhiều...). Đây gọi là Luận nghĩa Hiểm nguy. (không là nhân chính).

Luận nghĩa Vô là luận nghĩa không có nguyên nhân. Như nói cây tràng phan Nhân-đề không phải do người mang đến.

Hỏi: Nghĩa của Luận nghĩa Một xứ thế nào?

Đáp: Là Luận nghĩa do mình, người tạo ra và do thế lực khác. Mình, người tạo ra có hai loại: Do đời trước, do nhân duyên đã gây tạo. Đời nay đã tạo và đời trước đã tạo, nên biết là do nhân duyên. Thọ quả báo tưởng là Trời cho. Như thế có ba nghĩa như nói ở trước. Người kia chỉ nói một, tức hoặc do nhân duyên tạo, do người tạo, do người khác thích ban cho. Hạng chấp do nhân duyên tạo thì cho không có người tạo, không có báo đáp, không đáng tin lữ người này, không đủ quả lại (trả báo). Nếu duyên với sở tác (hàng động) là đủ, tất cả không cần làm gì. Nói như thế là có lỗi ác.

Hỏi: Nghĩa của Luận nghĩa Hiểm nguy thế nào?

Đáp: Là vọng tưởng về nghĩa chúng sinh, pháp và cả hai là gốc. Tức luận cứ về chúng sinh, về pháp về cả hai cho đó là căn bản. Mọi sự tịnh, bất tịnh đều do chúng sinh tạo, hoặc một ít do chúng sinh và pháp đã tạo. Đây gọi là Luận nghĩa Hiểm nguy. Nhưng chẳng phải do chúng sinh tạo, chẳng phải do pháp tạo, chẳng phải do chúng sinh và pháp tạo.

Hỏi: Thế nào là tưởng chúng sinh làm gốc?

Đáp: Chúng sinh là nói Phạm mạ, Vị thứ-bà-lê và Tần-nhu. Mọi hành động của chúng sinh giống như Phạm-ma đã làm, Vị-thứ-bà-lô đã làm, Tần-nhu đã làm. Không biết quán xét Phạm-ma tạo thành hư không, hư không tạo thành gió, gió tạo thành nước, nước tạo thành đất, đất tạo thành cây cỏ. Như thế mà luận chúng sinh là do Phạm-ma trước đây tạo thành. Tất cả luận cứ này đều có lỗi. Nếu nói Phạm-ma tạo thành hư không đất thì đứng (trụ) ở chỗ nào để tạo hư không, đất. lần

lượt như vậy đối với Vị-thứ-bà-lô và tần-nhu mà luận thì đều trái ngược như trước vừa nói.

Hỏi: Thế nào là vọng tưởng về nghĩa pháp?

Đáp: Là Luận cứ do Thời làm, do Vi làm (khí tạo tác) do tánh làm. Ba thứ này là luận nghĩa pháp. Luận Thời, là nói “Tất cả đều do thời tiết sinh, thời tiết làm thành thực, thời tiết làm thiếu mất, thời tiết tạo hết thảy” (“...” là kệ). Bài kệ này với nội dung hư ngụy, (giả dối) không tương ứng, như trong phần nghĩa “Một xứ” đã nói. Vì không đủ qua lại... (Bốn sự đã nói ở trên). Hoặc sinh ý có cái này, thì thời tiết cũng không tương ứng tạo ra. Vì sao? Vì như hư không, không có gì cả thì thời tiết tự nó cũng không, thì làm sao có chỉ bảo người khác tạo tác. Do đó có lỗi sai trái.

Nói do Vi tạo tác cũng không hợp, vì Vi (khí) không có niệm, việc này không tương ứng với tánh. Do tánh làm cũng như vậy, nếu có khởi thì không phải tánh sự (sự tự nhiên); nếu không có thì vô nghĩa, nếu vô nghĩa mà có chỗ khởi, thì cùng với tất cả hiện hữu như vậy, tánh đâu có gì sai khác!? Nếu sanh ý này, tánh có thường thì điều này không tương ứng, và vô thường là bất biến. Như vậy, có lỗi sai trái. (Tánh là thường như vậy. Nếu thường như vậy thì không có như vậy, chẳng thể như vậy, tức là chẳng thay đổi).

Hỏi: Nghĩa của Luận nghĩa Vô thế nào?

Đáp: Nghĩa Vô là tự nhiên, ép buộc, không có gì hết. Kinh nói: Luận về nghĩa Vô có ba: Luận tự nhiên, luận ép buộc, luận không có gì hết. Luận tự nhiên cho: Tự nhiên mà sinh, không có ý tưởng gì khác. Như gai góc bén nhọn, không có người làm cho bén nhọn.

Luận cưỡng ép là tùy vật mà muốn sinh, như nước lớn, nước nguồn cây-cỏ-lá-cành rơi xuống giữa tụ thành một khối, đây gọi là cưỡng ép (ngẫu nhiên). Hoặc theo cơn gió thổi tới, nó thổi về hướng bắc, hoặc thổi qua đông, tây làm mọi thứ theo ý muốn sinh ra.

Luận không có gì cho là rỗng rang, hết thảy không có gì. Có cái gì tương ứng, thì cái tương ứng ấy cũng không hề có. Nhóm người này cho hết thảy không hề có thì có lỗi. Vì sao? Nếu tự nhiên mà có thì cuối cùng không có sinh. Do lấy nước tưới ruộng xem thời tiết là chính thì hạt mầm mới sinh. Nếu mọi cái đều không có thì cuối cùng mầm chẳng được sinh ra. Vì vậy cho nên không có cái gì tự nhiên mà có, mọi cái làm ra dẫn đến kết quả mà thôi.

Hỏi: Đã nói Dị học xứ, thế nào là Giải thoát xứ?

Đáp: Muốn có Giải thoát xứ thì phải Trưởng, Thiên và Tụng. Ba

thứ này là chỗ dựa của giải thoát. Giải thoát nghĩa là diệt hết mọi ác. Tướng nhân duyên giải thoát, đó là tướng nương tựa vào Phật, Bích-chi-Phật, Thanh văn mà được giải thoát. Thiền như trong phẩm ở trước đã nói.

Hỏi: Thế nào là Tụng?

Đáp: Tụng gồm ba thứ: nói, nghe và phúng tụng (Kinh nói: Nói, Nghe, Phúng tụng). Nói theo những pháp đã được nghe, thọ những pháp đã được nghe, phúng tụng những chương đã được nghe, rồi chuyển tụng.

Hỏi: Trên đã nói đa văn là học rộng về Tu-đổ-lộ, A-tì-đàm, Tì-nại-da, nay nói phúng tụng có phải là nói trùng lặp?

Đáp: Đây cũn phân làm ba loại phúng tụng, ba sự được quả, đó là khi nói, khi nghe, khi tụng.

Đệ tử Phật có bốn loại: hoặc từ tiếp nhận Đế sinh giải thoát (Giới độ), hoặc từ tiếp nhận Thí mà đều có giải thoát (Thí độ); hoặc từ tiếp nhận Diệt mà đều có giải thoát (Thiền độ); hoặc từ tiếp nhận Tuệ mà đều có giải thoát (trí độ). Đây tương ứng như vậy; tức từ nghe Đế được giải thoát; từ nói Thí được giải thoát, từ tọa thiền được giải thoát, từ phúng tụng được giải thoát. Cho nên gọi là nghĩa Giải thoát xứ.

Tóm lại, như vậy ba pháp độ (Đức, Ác, Y) tương ứng, nên quán sát không rối loạn ý; mong muốn cầu Vô vi, lần lượt được giải thoát. Do nghĩa giải thoát nên trí tuệ sanh khởi, Thế Tôn mới hiện hữu thế gian.

(Bà-tổ-bạt-đà nói ba pháp, tiếp ba tụng. Tóm lại, ba Pháp độ đã nói xong. Lời Ký nói: Lắng nghe Tôi nói kệ, một ngàn hai trăm kệ).

